

DANH SÁCH ĐIỂM MÔN GDQP-AN
Học Kỳ 1 - Năm Học 22-23

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh - 35 tuần 17**
CBGD **Nguyễn Thành Quân**

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	LT 1	LT 2	ĐL	BS	RL	ĐIỂM QT	THI KTHP	ĐIỂM MÔN HỌC	GHI CHÚ
1	2122260138	Trần Trương An	12/06/2004	CCQ2226D	7	6.5	7	8.3	7.0	7.3	7.0	7.1	
2	2122260092	Trần Thị Ngọc Bích	28/11/2004	CCQ2226C	7.5	7	7	9.7	7.0	7.8	7.6	7.7	
3	2122260126	Huỳnh Văn Chung	20/05/2004	CCQ2226C	7	7	7	5.4	7.0	6.5	6.6	6.6	
4	2122260111	Trần Thành Danh	30/04/2004	CCQ2226D	6.5	7	7.5	8	7.0	7.3	6.8	7.0	
5	2122260104	Lâm Mỹ Duyên	10/02/2004	CCQ2226D	6.5	7	7.3	8.7	7.0	7.5	4.8	5.9	
6	2122060073	Lê Ngọc Kỳ Duyên	30/12/2004	CCQ2226D						0.0		0.0	
7	2122260105	Trương Kỳ Dương	13/07/2004	CCQ2226D	8	8	7.5	9.3	7.0	8.0	6.6	7.2	
8	2122260132	Đào Tiến Anh Đạt	02/05/2004	CCQ2226D	6	7	7.5	9.3	7.0	7.6	7.6	7.6	
9	2122050115	Nguyễn Công Đạt	12/01/2004	CCQ2226C	8.5	8	8.5	9.7	9.0	8.9	6.2	7.3	
10	2122260078	Mai Thanh Điền	03/04/2004	CCQ2226C	6.5	7	6.5	5	7.0	6.3	5.6	5.9	
11	2122260101	Phạm Minh Đức	01/05/2002	CCQ2226D	7	7.5	7.5	8.3	7.0	7.5	8.0	7.8	
12	2122260079	Lê Thị Thu Hào	12/08/2004	CCQ2226C	7.5	7.5	8	9	9.0	8.4	6.6	7.3	
13	2122260112	Hồ Dạ Hào	22/05/2004	CCQ2226D	7.5	7.5	8.5	9.7	9.0	8.7	7.4	7.9	
14	2122260128	Huỳnh Thị Ngọc Hân	06/07/2004	CCQ2226C	8	8	7.5	8.3	7.0	7.7	6.8	7.2	
15	2122260081	Lê Ngọc Gia Hân	16/06/2004	CCQ2226C	5	5.5	7.5	9	7.0	7.1	5.2	6.0	
16	2121210060	Nguyễn Thị Ngọc Hân	20/08/2003	CCQ2121B	7.5	7	7	10	7.0	7.9	7.0	7.4	
17	2122260109	Nguyễn Thị Hây	08/06/2004	CCQ2226D	7	6.5	7.5	9.3	7.0	7.7	6.8	7.1	
18	2122260115	Phan Thị Diệu Hiền	04/08/2003	CCQ2226D	6	7	7.5	8.3	7.0	7.3	7.6	7.5	
19	2122110320	Huỳnh Minh Hiếu	16/02/2004	CCQ2226C	5	5.5	6.5	8.3	7.0	6.8	5.0	5.7	
20	2122260108	Phạm Khánh Hoàng	28/10/2004	CCQ2226D	7	6.5	7.3	9	7.0	7.5	8.2	7.9	
21	2122260100	Nguyễn Viết Hội	17/11/2004	CCQ2226D	7	7	8.3	9	9.0	8.3	7.6	7.9	
22	2122260077	Trương Ngọc Huy	13/09/2004	CCQ2226C						0.0		0.0	
23	2122240129	Bùi Phan Duy Khang	16/12/2004	CCQ2226D	7	6.5	7	8.7	6.0	7.1	6.8	6.9	
24	2122260113	Nguyễn Trung Kiên	12/01/2004	CCQ2226D	7	7	7.5	9	7.0	7.6	6.6	7.0	
25	2122260094	Nguyễn Thị Lệ	12/12/2004	CCQ2226C	6.5	7	7	8.3	7.0	7.3	6.8	7.0	
26	2122260073	Phạm Thị Lương	25/07/2004	CCQ2226C	7	7	7.5	8.7	7.0	7.6	7.4	7.5	
27	2122260127	Hồ Văn Lượng	24/01/2004	CCQ2226C	8.5	8.5	8.5	9	9.0	8.8	7.4	8.0	
28	2122240114	Nguyễn Ngọc Trúc Ly	23/12/2004	CCQ2226D	8.5	8.5	7.5	7.3	7.0	7.6	7.6	7.6	
29	2122260074	Võ Ái Ly	20/08/2004	CCQ2226C						0.0		0.0	
30	2122260071	Nguyễn Võ Kiều My	22/07/2004	CCQ2226C	7	7	7	5	7.0	6.4	4.4	5.2	
31	2122260134	Lê Thị Thanh Ngân	05/04/2004	CCQ2226D	7	7	7	9	7.0	7.6	5.2	6.1	
32	2122260130	Ngô Thị Thùy Ngân	14/06/2004	CCQ2226D	6.5	7	7.3	8	6.0	7.0	6.0	6.4	
33	2122260121	Phan Thị Thúy Ngân	13/10/2004	CCQ2226D	7	7	7.5	8.3	7.0	7.4	7.2	7.3	
34	2122260096	Trần Thảo Ngân	16/09/2003	CCQ2226C	7	7	7	9	7.0	7.6	7.2	7.3	
35	2122260137	Huỳnh Hữu Nghiêm	10/08/2002	CCQ2226D						0.0		0.0	
36	2122260080	Nông Thị Ánh Ngọc	01/02/2004	CCQ2226C	7	6.5	7.5	9.7	7.0	7.8	5.8	6.6	
37	2122260116	Nguyễn Thái Nguyên	24/06/2003	CCQ2226D						0.0		0.0	
38	2122260068	Trương Thúy Nhân	20/05/2004	CCQ2226C	7	7.5	7.5	7.3	7.0	7.2	7.8	7.6	
39	2122260135	Nguyễn Thị Hồng Nhó	25/02/2004	CCQ2226D	6.5	7	7	5	6.0	6.1	6.0	6.0	
40	2122260083	Võ Yến Ny	10/10/2004	CCQ2226C	7.5	7.5	7.3	8.7	7.0	7.7	7.0	7.3	
41	2122260150	Thái Văn Phong	05/12/2004	CCQ2226D	6.5	6.5	7.5	9.7	7.0	7.7	5.2	6.2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	LT 1	LT 2	ĐL	BS	RL	ĐIỂM QT	THI KTHP	ĐIỂM MÔN HQC	GHI CHÚ
42	2122260082	Nguyễn Dương Kim Phụng	07/05/2004	CCQ2226C	6.5	7	7	8	7.0	7.2	6.2	6.6	
43	2122260091	Khổng Hữu Phước	02/01/2004	CCQ2226C						0.0		0.0	
44	2122260076	Nguyễn Thị Minh Phương	02/03/2004	CCQ2226C	7	7	7	6.3	7.0	6.8	8.0	7.5	
45	2122260147	Trần Ngọc Phương	22/12/2004	CCQ2226C	8	8	8.5	8.7	9.0	8.6	7.2	7.7	
46	2122170277	Nguyễn Minh Quân	05/11/2003	CCQ2226D	7	7	6.5	4.7	7.0	6.3	6.6	6.5	
47	2122260102	Lê Thị Lệ Quyên	01/09/2004	CCQ2226D	7	7	7.5	5	7.0	6.5	6.6	6.6	
48	2122260136	Mai Thị Thảo Quyên	24/08/2003	CCQ2226D	7	7	7.3	8.7	7.0	7.5	6.8	7.1	
49	2122260148	Từ Thị Mỹ Quyên	29/10/2004	CCQ2226C	6.5	7	7.5	8	7.0	7.3	7.6	7.5	
50	2122260084	Bùi Thiện Trường Tài	27/05/2004	CCQ2226C	6.5	7	7.5	9.7	7.0	7.8	5.6	6.5	
51	2122260106	Trần Văn Tài	05/03/2004	CCQ2226D	7	6.5	7.5	9	7.0	7.6	5.4	6.3	
52	2122260075	Vy Trọng Tài	22/07/2004	CCQ2226C	7	7	7	9.7	6.0	7.5	6.2	6.7	
53	2122260070	Cao Lương Tâm	06/09/2004	CCQ2226C						0.0		0.0	
54	2122260149	Trịnh Minh Tâm	09/08/2004	CCQ2226D	6.5	6.5	7.5	9.7	7.0	7.7	6.2	6.8	
55	2122260086	Huỳnh Ngọc Bích Thảo	15/02/2004	CCQ2226C	7	7	7.5	6.8	7.0	7.0	5.8	6.3	
56	2122260131	Trần Thị Phương Thảo	01/04/2004	CCQ2226D						0.0		0.0	
57	2122170166	Nguyễn Anh Thắng	18/08/2004	CCQ2226D	7	7.5	8	8	8.0	7.8	7.0	7.3	
58	2121210056	Phạm Thị Kim Thoa	27/02/2002	CCQ2121B	6.5	7.5	7	8.7	7.0	7.5	7.6	7.6	
59	2122260099	Nguyễn Minh Thơ	11/06/2002	CCQ2226C	7.5	7	7.5	8	7.0	7.4	7.2	7.3	
60	2122260098	Sầm Thị Thúy	03/10/2004	CCQ2226C	7	7	7.5	9	7.0	7.6	7.0	7.3	
61	2122270093	Đặng Thị Hoài Thương	28/05/2004	CCQ2226D	6.5	7	7.5	9.3	7.0	7.7	6.6	7.0	
62	2122260089	Nguyễn Văn Thương	22/06/2003	CCQ2226C	6.5	7	7	8.3	6.0	7.0	6.4	6.6	
63	2122260119	Thới Văn Thương	24/09/2004	CCQ2226D	6.5	7	6.5	9.7	7.0	7.6	7.0	7.3	
64	2122260090	Nguyễn Văn Tiến	12/02/2002	CCQ2226C	7	6.5	7	8.7	6.0	7.1	7.0	7.1	
65	2121210022	Huỳnh Ngọc Trâm	13/05/2003	CCQ2121A	7	7	7	4.7	7.0	6.3	6.4	6.4	
66	2122260072	Nguyễn Thị Thanh Trúc	08/03/2004	CCQ2226C	7	7	7.5	5	7.0	6.5	7.4	7.0	
67	2122260069	Bế Văn Tuấn	20/05/2004	CCQ2226C	7	7	7	9.3	7.0	7.7	5.4	6.3	
68	2122170119	Nguyễn Châu Tuấn	14/05/2004	CCQ2226D	7	7	7.5	8.7	7.0	7.6	6.8	7.1	
69	2122260093	Hồ Thanh Tuyền	25/06/2004	CCQ2226C	7.5	7	7.5	6.3	7.0	6.9	5.2	5.9	
70	2122260087	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	29/01/2004	CCQ2226C	6	7	7.3	8.3	7.0	7.3	6.6	6.9	
71	2122260088	Trần Thị Phương Uyên	17/06/2004	CCQ2226C						0.0		0.0	
72	2121210045	Nguyễn Bùi Thái Uyển	11/11/2003	CCQ2121B						0.0		0.0	
73	2122260133	Nguyễn Khánh Văn	11/06/2003	CCQ2226D	7	6.5	7.5	7.7	7.0	7.2	8.4	7.9	
74	2122260103	Lê Thị Hồng Vân	17/03/2004	CCQ2226D	7	6.5	7.5	8.3	7.0	7.4	6.6	6.9	
75	2122260114	Tô Thị Ngọc Viên	08/11/2004	CCQ2226D	6.5	7	7.5	5	7.0	6.4	7.0	6.8	

điểm lớp mình